

THỐNG KÊ SĨ SỐ HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

Tên lớp	Tổng số HS	Nữ		Dân tộc		Nữ DT		Nội trú		Bán trú	
		SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
Khối 10	334	156	46.71%	1	0.30%	1	0.30%	0	0.00%	0	0.00%
10A1	42	13	30.95%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
10A2	40	19	47.50%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
10A3	37	16	43.24%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
10A4	38	10	26.32%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
10A5	45	9	20.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
10A6	43	26	60.47%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
10A7	44	27	61.36%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
10A8	45	36	80.00%	1	2.22%	1	2.22%	0	0.00%	0	0.00%
Khối 11	341	161	47.21%	1	0.29%	1	0.29%	0	0.00%	0	0.00%
11A8	45	30	66.67%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
11A1	40	12	30.00%	1	2.50%	1	2.50%	0	0.00%	0	0.00%
11A2	38	13	34.21%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
11A3	39	9	23.08%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
11A4	40	8	20.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
11A5	45	29	64.44%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
11A6	48	27	56.25%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
11A7	46	33	71.74%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
Khối 12	347	174	50.14%	1	0.29%	1	0.29%	0	0.00%	0	0.00%
12A8	46	26	56.52%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
12A1	36	11	30.56%	1	2.78%	1	2.78%	0	0.00%	0	0.00%
12A2	37	9	24.32%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
12A3	39	6	15.38%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
12A4	50	38	76.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
12A5	47	35	74.47%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
12A6	50	31	62.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
12A7	42	18	42.86%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
Tổng cộng	1022	491	48.04%	3	0.29%	3	0.29%	0	0.00%	0	0.00%

Phường Thiên Trường, ngày 13 tháng 06 năm 2026

KT. HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Cao Thị Nghĩa



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO DANH SÁCH HỌC SINH THUỘC DIỆN CHÍNH SÁCH

STT	Mã học sinh	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Diện ưu tiên	Diện chính sách	Ghi chú
Lớp 10A1								
1	36000706-00-4822	Phùng Quang Anh	29/9/2010	Nam	Kinh		Diện chính sách khác	
Lớp 10A7								
2	36000706-00-5081	Nguyễn Thu Hoài	01/11/2010	Nữ	Kinh		Có cha mẹ thuộc hộ cận nghèo theo quy định	
3	36000706-00-5108	Bùi Thị Huyền Trang	03/02/2010	Nữ	Kinh		Có cha mẹ thuộc hộ cận nghèo theo quy định	
Lớp 10A8								
4	36000706-00-4966	Mai Lưu Hồng Ngọc	27/6/2010	Nữ	Kinh		Có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định	
Lớp 11A8								
5	54726149	Chu Thị Thủy Dương	22/7/2009	Nữ	Kinh		Có cha mẹ thuộc hộ cận nghèo theo quy định	
Lớp 11A4								
6	54625218	Nguyễn Quốc Huy	09/7/2008	Nam	Kinh	Người bị khuyết tật	Bị tàn tật, khuyết tật	
Lớp 12A1								
7	52245482	Trịnh Văn Chiến	21/3/2008	Nam	Kinh		Có cha mẹ thuộc hộ cận nghèo theo quy định	
8	52245487	Nguyễn Doãn Thùy Dương	22/02/2008	Nữ	Kinh		Con hộ nghèo thuộc CT135	
9	52245509	Trần Huy Thịnh	12/6/2008	Nam	Kinh		Có cha mẹ thuộc hộ cận nghèo theo quy định	
Lớp 12A2								
10	52245505	Trần Ngọc Quân	17/11/2008	Nam	Kinh		Có cha mẹ thuộc hộ cận nghèo theo quy định	

THỐNG KÊ TỈ LỆ HỌC SINH NAM NỮ THEO KHỐI NĂM HỌC 2025-2026

Tên lớp	Tổng số HS	Nữ		Nam		Ghi chú
		SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	
Khối 10	334	156	46.71%	178	53.29%	
Khối 11	341	161	47.21%	180	52.79%	
Khối 12	347	174	50.14%	173	49.86%	
Toàn trường	1022	491	48.04%	531	51.96%	

Người lập báo cáo
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
TRẦN VĂN LAN
Cao Thị Nghĩa

Phường Thiên Trường, Ngày 13 tháng 6 năm 2026

**BÁO CÁO DANH SÁCH HỌC SINH CHUYỂN ĐẾN
CẢ NĂM**

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Chuyển từ trường	Lớp chuyển đến	Ngày chuyển	Ghi chú
1	Trần Bảo Linh	22-02-2010	Nữ		10A2	27-01-2026	Thêm mới từ hồ sơ học sinh
2	Trần Bảo Nam	22-10-2009	Nam		11A1	05-09-2025	Thêm mới từ hồ sơ học sinh

Người lập báo cáo
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
TRẦN VĂN LAN
Cao Thị Nghĩa

Trường THPT Trần Văn Lan

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



THÔNG KÊ KẾT QUẢ CUỐI NĂM

NĂM HỌC 2025-2026

Khối	Lớp	SS	SS thực tế	LÊN LỚP		Ở LẠI	
				TS	%	TS	%
Khối 10	10A1	42	42	42	100	0	0
	10A2	41	40	40	100	0	0
	10A3	37	37	37	100	0	0
	10A4	39	38	38	100	0	0
	10A5	45	45	45	100	0	0
	10A6	44	43	43	100	0	0
	10A7	44	44	44	100	0	0
	10A8	45	45	45	100	0	0
	TC	337	334	334	100.00	0	0.00
Khối 11	11A8	45	45	45	100	0	0
	11A1	41	40	40	100	0	0
	11A2	38	38	38	100	0	0
	11A3	39	39	39	100	0	0
	11A4	41	40	40	100	0	0
	11A5	46	45	45	100	0	0
	11A6	50	48	48	100	0	0
	11A7	47	46	46	100	0	0
	TC	347	341	341	100.00	0	0.00
TỔNG SỐ		684	675	675	100	0	0

**BÁO CÁO DANH SÁCH HỌC SINH CHUYỂN TRƯỜNG
CẢ NĂM**

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ngày chuyển	Trường chuyển đến	Ghi chú
1	Trần Đức Mạnh	17-10-2010	Nam	10A2	23-01-2026	THPT B Nguyễn Huệ (36000704)	Theo gia đình
2	Phạm Như Quỳnh	05-02-2010	Nữ	10A4	19-01-2026	Trường THPT Phúc Lợi	Theo gia đình.
3	Trần Minh Anh	15-01-2010	Nam	10A6	03-02-2026	Trường THPT A Trần Hưng Đạo (36000701)	Theo gia đình
4	Nguyễn Quang Thịnh	02-06-2009	Nam	11A1	29-08-2025	Trường THPT A Trần Hưng Đạo (36000701)	Theo gia đình
5	Lê Vy Ngân	14-10-2009	Nữ	11A6	10-09-2025	THPT B Nguyễn Khuyến	Theo gia đình

Người lập báo cáo



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Cao Thị Nghĩa